

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN H  
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HS-ST

Ngày: 19/01/2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H  
THÀNH PHỐ H

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy V*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Trương Công T**

**2. Ông Nguyễn Phúc T**

- *Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương A, Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố H.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương T, Kiểm sát viên.*

Ngày 19 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố H; Tòa án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 296/2022/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 317/2022/QĐXXST-HS ngày 01 Tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2022/HSST ngày 28/12/2022 đối với bị cáo:

**1. Trần Duy T, sinh năm 1988;** ĐKKHKT: thôn Tân Phú Mỹ, xã Vật Lại, huyện Ba V, TP. H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Trần Văn L, sinh năm 1961; Mẹ đẻ: Lê Thị N, sinh năm 1958; Vợ: Nguyễn Thu H, sinh năm 1992; có 01 con SN 2013; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ công an quận H, có mặt tại phiên tòa.

**2. Trần Tú A, sinh năm 1999;** ĐKHKTT: số 2 ngõ 35/28, Ngõ Thi Sỹ, phường Vạn Phúc, quận H, TP. H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Trần Văn L, sinh năm 1979; Mẹ đẻ Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1976; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ công an quận H, có mặt tại phiên tòa.

**3. Hoàng Mạnh H, sinh năm 1983;** ĐKHKTT: xã Tân Triều, huyện T, TP. H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Hoàng Văn T, sinh năm 1958; Mẹ đẻ: Trương Thị M, sinh năm 1960; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1999; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 30/01/2013, Công an quận H xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ công an quận H, có mặt tại phiên tòa.

**4. Nguyễn Trọng H, sinh năm 1999;** ĐKHKTT: tổ 3, phường Yết Kiêu, quận H, TP. H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Trọng C, sinh năm 1970; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1972; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 07/10/2019, Công an quận H xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, đã chấp hành xong.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ công an quận H, có mặt tại phiên tòa.

**5. Lê M, sinh năm 2002;** ĐKHKTT: tổ 10, phường Phú La, quận H, TP. H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Lê Thành C, sinh năm 1966; Mẹ đẻ: Vũ Thị Hồng N, sinh năm 1971; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/7/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ công an quận H, có mặt tại phiên tòa.

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

**1. Anh Nguyễn Ngọc B;** Sinh năm: 1984; chỗ ở: Xóm 3, La Tinh, Đông La, Đ, H, vắng mặt.

2. **Phạm Văn B**; Sinh năm: 1980; Chỗ ở: Phòng 1502, tòa FLC, K, H, H, vắng mặt.
3. **Nguyễn Thị C**; Sinh năm: 1961; chỗ ở: Thôn Thượng, Cự Khê, O, H, vắng mặt.
4. **Nguyễn Đình C**; Sinh năm: 1991; chỗ ở: Tổ 21, L, H, H, vắng mặt.
5. **Phạm Đức C**; Sinh năm: 1985; Chỗ ở: Số 1434 tòa HH01C Chung cư Thanh Hà, Cự Khê, O, H, vắng mặt.
6. **Nguyễn Văn C**; Sinh năm: 1997; HKTT, chỗ ở: Thôn Trên, Bích Hòa, O, H, vắng mặt.
7. **Đặng Đình Đ**; Sinh năm: 1978; HKTT, chỗ ở: P3408 tòa S3 chung cư Season Avenue Mộ Lao, H, H, vắng mặt.
8. **Lưu Văn Đ**; Sinh năm: 1992, HKTT, chỗ ở: Tổ 13, Yên Nghĩa, H, H, vắng mặt.
9. **Hoàng Văn D**; Sinh năm: 1979, HKTT: Hoàng Lưu, Hoàng H, H, vắng mặt.
10. **Phạm Đình D**; Sinh năm: 1977, HKTT, chỗ ở: Tổ 2, Phú Lãm, H, H, vắng mặt.
11. **Bùi Quốc K**; Sinh năm: 1974, HKTT: Số 31, ngõ 14, Quang Trung, Phú La, H, H, vắng mặt.
12. **Bùi Thị Vĩnh H**; Sinh năm: 1982, HKTT: 201 Minh Khai, tổ 30, Minh Khai, T, H, vắng mặt.
13. **Đỗ Thị H**; Sinh năm: 1980, HKTT, chỗ ở: Tổ 6, L, H, H, vắng mặt.
14. **Trần Hữu H**; Sinh năm: 1984, HKTT: Hồng Ân, H, B, vắng mặt.
15. **Cao Thị Như H**; Sinh năm: 1978, HKTT: Số A7, ngõ 8, Tổ 6, K, H, H, vắng mặt.
16. **Nguyễn Thanh H**; Sinh năm: 1986, HKTT, chỗ ở: tổ 5, Đồng Mai, H, H, vắng mặt.
17. **Lê Quang H**; Sinh năm: 1956, HKTT, chỗ ở: Tổ 12, Phúc La, H, H, vắng mặt.
18. **Nguyễn Công H**; Sinh năm: 1982, HKTT: P732, tòa HH02-1A KĐT Thanh Hà, Cự Khê, O, H, vắng mặt.
19. **Nguyễn Mạnh H**; Sinh năm: 1976, HKTT: Tổ 6, Phú La, H, H, vắng mặt.
20. **Lê Mạnh H**; Sinh năm: 1995, HKTT, chỗ ở: Thôn Hưng Giáo, Tam Hưng, O, H, vắng mặt.

**21. Nguyễn Tiến H;** Sinh năm: 1984, HKTT, chỗ ở: P0615 tòa T2 chung cư TSQ Mộ Lao, H, H, vắng mặt.

**22. Cấn Xuân H;** Sinh năm: 1983, HKTT: Kim Quan, T, H, Chỗ ở: P1604, V4 The Vesta Phú Lãm, H, H, vắng mặt.

**23. Vũ Thị Thu H;** Sinh năm: 1974, HKTT, chỗ ở: Số 8, ngách 217/81 đường Trần Phú, tổ 2, Q, H, H, vắng mặt.

**24. Nguyễn Đức K;** Sinh năm: 1982, HKTT, chỗ ở: Tổ 5, Yên Nghĩa, H, H, vắng mặt.

**25. Hồ Thị Ngọc L;** Sinh năm: 1959, HKTT, chỗ ở: 143 Trần Phú, Q, H, H, vắng mặt.

**26. Trần Thị L;** Sinh năm: 1979, HKTT: Tổ 5, Phú Lương, H, H, vắng mặt.

**27. Trần Văn L;** Sinh năm: 1956, HKTT, chỗ ở: Tổ 11, Yên Nghĩa, H, H, vắng mặt.

**28. Nguyễn Thị L;** Sinh năm: 1973, HKTT, chỗ ở: Số 95-10, ngách 57/52 đường Hòa Bình, tổ 14, Yên Nghĩa, H, H, vắng mặt.

**29. Hà Khánh L;** Sinh năm: 1996, HKTT, chỗ ở: Tổ 14, Yên Nghĩa, H, H, vắng mặt.

**30. Thân Thị Mai A;** Sinh năm: 1989, HKTT, chỗ ở: Tổ 15, Phú Lương, H, H, vắng mặt.

**31. Vũ Thị M;** Sinh năm: 1976, HKTT, chỗ ở: P1812, tòa V3 chung cư The Vessta, Phú Lãm, H, H, vắng mặt.

**32. Trần Văn M;** Sinh năm: 1982, HKTT, chỗ ở: Tổ 12, Yên Nghĩa, H, H, vắng mặt.

**33. Nguyễn Trọng N;** Sinh năm: 1979, HKTT, chỗ ở: Thôn Lê Dương, Tam Hưng, O, H, vắng mặt.

**34. Đỗ Thị N;** Sinh năm: 1987, HKTT, chỗ ở: Số 5, ngách 2/46 đường Nghĩa Lộ, Tổ 6, Yên Nghĩa, H, H, vắng mặt.

**35. Võ Thị N;** Sinh năm: 1975, HKTT, chỗ ở: Tổ 7, Phú La, H, H, vắng mặt.

**36. Đặng Đình N;** Sinh năm: 1972, HKTT, chỗ ở: Xóm mới, Long Châu, Phụng Châu, M, H, vắng mặt.

**37. Trần Văn N;** Sinh năm: 1977, HKTT, chỗ ở: P203, CT1B2 Xa La, Phúc La, H, H, vắng mặt.

**38. Đặng Văn P;** Sinh năm: 1988, HKTT, chỗ ở: Tổ 15, Phú Lương, H, H, vắng mặt.

**39. Vũ Thị Lan P;** Sinh năm: 1980, HKTT, chỗ ở: Số 29, ngõ 217/65, tổ 2, Văn Quán, H, H, vắng mặt.

**40. Hoàng Xuân P;** Sinh năm: 1988, HKTT, chỗ ở: Số 9 ngách 21/50/7 Yên Xá, Tân Triều, Thanh Trì, H, Vắng mặt.

**41. Nguyễn Văn Q;** Sinh năm: 1989, HKTT, chỗ ở: Số 38, Tổ 4, Phú Lãm, H, H, vắng mặt.

**42. Tào Văn S;** Sinh năm: 1989, HKTT, chỗ ở: Dụ Tiền, Thanh Thùy, Thanh Oai, H, vắng mặt.

**43. Vũ Ngọc S;** Sinh năm: 1971, HKTT: Tổ 10, Phúc La, H, H, vắng mặt.

**44. Đặng Huy T;** Sinh năm: 1987, HKTT, chỗ ở: Tổ 5, Yên Nghĩa, H, H, vắng mặt.

**45. Vũ Ngọc T;** Sinh năm: 1989, HKTT: Mãn Xoan, Kim Đường, H, H, vắng mặt.

**46. Vũ Ngọc T;** Sinh năm: 1992, HKTT: Xuân Vinh, T, Đ, vắng mặt.

**47. Nguyễn Đức T;** Sinh năm: 1989, HKTT: Tòa CT1B-V2, Khu nhà ở xã hội Phú Lãm, H, H, vắng mặt.

**48. Phan Thị T;** Sinh năm: 1987, HKTT, chỗ ở: Xóm Thượng, Bình Minh, Thanh O, H, vắng mặt.

**49. Đặng Đình T;** Sinh năm: 1987, HKTT, chỗ ở: Tổ 17, Phú Lương, H, H, vắng mặt.

**50. Phạm Văn T;** Sinh năm: 1979, HKTT, chỗ ở: Tổ 2, Phú Lãm, H, H, vắng mặt.

**51. Phùng Văn T;** Sinh năm: 1978, HKTT, chỗ ở: Tổ 17, Phú Lương, H, H, vắng mặt.

**52. Nguyễn Đức T;** Sinh năm: 1988, HKTT, chỗ ở: xóm Bờ Giếng, Rùa Hạ 1, Thanh Thùy, O, H, vắng mặt.

**53. Nguyễn Thị T;** Sinh năm: 1993, HKTT, chỗ ở: số 34, ngõ 2 Xa La, tổ 10, Phúc La, H, H, vắng mặt.

**54. Trần Đình T;** Sinh năm: 1988, HKTT: Hải Châu, H, Đ, vắng mặt.

**55. Lê Minh T;** Sinh năm: 1985, HKTT, chỗ ở: Tổ 13, Phú Lương, H, H, vắng mặt.

**56. Bùi Xuân T;** Sinh năm: 1984, HKTT: Tổ 6, K, H, H, vắng mặt.

**57. Lê Xuân T;** Sinh năm: 1987, HKTT, chỗ ở: Tổ 4, Đồng Mai, H, H, vắng mặt.

**58. Nghiêm Xuân T;** Sinh năm: 1986, HKTT, chỗ ở: Số 38, ngõ 22 tổ 5, Kiến Hưng, H, H, vắng mặt.

**59. Nguyễn Đức T;** Sinh năm: 1982, HKTT, chỗ ở: Thôn Chợ, Bình Đà, Bình Minh, Thanh O, H, vắng mặt.

**60. Nguyễn Văn V;** Sinh năm: 1982, HKTT, chỗ ở: Tổ 4, Đồng Mai, H, H, vắng mặt.

**61. Đào Thế V;** Sinh năm: 1983, HKTT, chỗ ở: P1907 tòa V3 chung cư Victoria Văn Phú, Phú La, H, H, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2022, Trần Duy T rủ Trần Tú A và Hoàng Mạnh H là bạn bè quen biết, cùng nhau góp tiền để cho vay lãi thì Tú A và H đồng ý. Sau đó, cả ba ngồi cùng nhau thống nhất: Tú A góp số tiền 170.000.000 đồng, T góp 170.000.000 đồng (trong tài khoản ngân hàng), H không có tiền nên góp địa điểm (là kiốt Hưng thuê ở ki ốt số 12, tòa HH02-1A, KĐT Thanh Hà, xã Cự Khê, huyện O, TP. H), làm điểm giao dịch cho khách vay. Cả ba thống nhất lợi nhuận hàng tháng từ việc cho vay lãi, sau khi trừ chi phí điện nước sinh hoạt và tiền ăn sẽ ăn chia theo tỷ lệ Tú A và T mỗi người 45%, Hưng 10% lợi nhuận.

Quá trình hoạt động các đối tượng thống nhất phân công nhiệm vụ cụ thể như sau: T là người quản lý tiền vốn cho vay, Tú A và T sẽ đi tìm khách vay và làm việc với khách vay (khách của ai thì người đó quản lý và chốt với nhau vào tối hàng ngày), Hưng hỗ trợ T và Tú A đi dán tờ rơi để tìm khách vay và nấu ăn cho cả nhóm tại cửa hàng. Đến tháng 4/2022, Tú A và T thuê 02 nhân viên là Lê M và Nguyễn Trọng H có nhiệm vụ thăm định khách vay, gọi điện giục khách trả tiền nợ, thu tiền nợ, dán tờ rơi tìm khách vay, đòi nợ xấu, M được trả lương 4.000.000đồng/1 tháng, H được trả lương 5.000.000đồng/1 tháng, ngoài ra được cho thêm tiền xăng xe, sinh hoạt từ 500.000đồng -2.000.000đồng. Hình thức vay theo hình thức bốc “bát họ” và “lãi ngày 4.000đồng/1triệu/1 ngày” với quy ước 10/9 trả trong 60 ngày và 10/8 trả trong 50 ngày theo hình thức đóng từng ngày, mỗi ngày 200.000 đồng (tương ứng lãi suất từ 146%/năm đến 152%/năm).

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của Trần Duy T: 02 (hai) quyển sổ (gồm: 01 quyển sổ bìa ghi chữ “warning, 48 trang – 4 ly|MS: 1824” bên trong có 15 trang có chữ viết ghi lại danh

sách khách vay các bát họ mới theo ngày”; 01 quyển sổ bìa ghi chữ “Sổ kế toán tổng hợp, A4|210x297|58-60g/m<sup>2</sup>|300 trang|MS: 3576” bên trong có 120 trang có chữ viết ghi lại số tiền thu của khách vay theo từng ngày); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng-đen, imei: 357263093875410.

- Thu giữ của Trần Tú A: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng-đen, imei: 354506122632019.

- Thu giữ của Nguyễn Trọng H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu xanh, imei1: 351858833594282, imei2: 351858834594281.

- Thu giữ của Lê M: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5C màu xanh, imei: 013853001853107.

- Thu giữ trong quá trình khám xét ki ốt số 12, tòa HH02-1A, KĐT Thanh Hà, xã Cự Khê, O, H: 09 (chín) thẻ căn cước công dân (gồm: (1) số 014087000092 tên Đỗ Văn T; (2) số 001089035047 tên Nguyễn Văn Q; (3) số 001079028145 tên Nguyễn Trọng N; (4) số 001183035928 tên Phùng Thị H; (5) số 025182000077 tên Bùi Thị Vĩnh H; (6) số 001198022830 tên Nguyễn Thị Lan A; (7) số 001187023670 tên Phan Thị T; (8) số 024089000468 tên Nguyễn Đức T; (9) số 001079028745 tên Phạm Văn T); 02 (hai) sổ hộ khẩu (gồm: sổ hộ khẩu số 241921559 tên chủ hộ Đặng Bá H; sổ hộ khẩu số 240507335 tên chủ hộ Vũ Thị H) và 03 (ba) giấy vay tiền tên Đỗ Văn T, Nguyễn Văn Q, Bùi Thị Vĩnh H.

Ngày 29/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H ra quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành Phố H giám định số 543 yêu cầu giám định chữ viết trên 02 quyển sổ thu giữ của Trần Duy T.

Tại bản kết luận giám định số 6606/KL-KTHS, ngày 26/9/2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành Phố, H, đã có kết luận: *Chữ viết trên 02 quyển sổ gửi giám định là chữ do người có mẫu chữ viết đứng tên Trần Duy T trên các mẫu so sánh viết ra.*

Quá trình điều tra xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 7/2022, Trần Duy T, Trần Tú A và Hoàng Mạnh H đã cho 61 người vay tiền dưới hình thức bóc **“bát họ”** và **“vay lãi ngày”**, cụ thể:

**1. Anh Nguyễn Ngọc B;** SN: 1984; chỗ ở: Xóm 3, La Tinh, Đông La, Đ, H, Trong thời gian từ ngày 18/6/2022, anh B vay 01 lần (01 bát họ) số tiền 12.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **2.605.479 đồng**, anh B đã

thanh toán tiền gốc vay 7.000.000 đồng còn nợ 5.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**2. Phạm Văn B;** SN: 1980; Chỗ ở: Phòng 1502, tòa FLC K, H, H: Trong thời gian từ 26/5/2022 đến 26/6/2022, anh B vay 02 lần, mỗi lần vay số tiền 18.000.000 đồng. Tổng số tiền anh B vay là **36.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 27.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày, (tiền lãi bị cắt trong 02 lần vay là 9.000.000 đồng, lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.183.562 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **7.816.438 đồng**. Anh B chưa trả hết số tiền vay, hiện còn nợ số tiền 10.500.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**3. Nguyễn Thị C;** SN: 1961; chỗ ở: Thôn Thượng, Cự Khê, Thanh O, H: Trong thời gian từ 17/6/2022 đến 11/7/2022, chị C vay của T 03 lần, mỗi lần vay số tiền 24.000.000 đồng. Tổng số tiền chị C vay của T là **72.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 54.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt trong 03 lần vay là 18.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 2.367.123 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **15.632.877 đồng**, chị Chính chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ số tiền 16.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**4. Nguyễn Đình C;** SN: 1991; chỗ ở: Tổ 21, Phú Lương, H, H: Ngày 07/7/2022, anh Chuyển vay 01 lần số tiền 30.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 24.000.000 đồng, trả gốc trong 50 ngày (tiền lãi bị cắt là 6.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 821.918 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **5.178.082 đồng**, anh chuyển đã thanh toán hết số tiền vay và không yêu cầu gì về dân sự.

**5. Phạm Đức C;** SN: 1985; Chỗ ở: Số 1434 tòa HH01C Chung cư Thanh Hà, Cự Khê, O, H: Ngày 07/6/2022, anh C vay 01 lần 24.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 18.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 6.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 789.041 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **5.210.959 đồng**, anh C đã thanh toán hết tiền vay và không yêu cầu gì về dân sự.

**6. Nguyễn Văn C;** SN: 1997; HKTT, chỗ ở: Thôn Trên, Bích Hòa, O, H: Trong thời gian từ 16/5/2022 đến 14/7/2022, anh C vay 03 lần, mỗi lần 12.000.000 đồng. Tổng số tiền anh C vay của T là **36.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 27.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt trong 03 lần vay là 9.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.183.563 đồng; số

tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **7.816.437 đồng**, anh C chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 11.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**7. Đặng Đình Đ;** SN: 1978; HKTT, chỗ ở: P3408 tòa S3 chung cư Season Avenue Mộ Lao, H, H: Ngày 13/7/2022, anh Đ vay của T 01 lần số tiền vay là 30.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 22.500.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 7.500.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 986.301 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là 6.513.699 đồng, anh Đ đã thanh toán hết số tiền vay và không yêu cầu gì về dân sự.

**8. Lưu Văn Đ;** SN: 1992, HKTT, chỗ ở: Tổ 13, Yên Nghĩa, H, H: Trong thời gian từ 23/5/2022 đến 23/6/2022, anh Đ vay của T 02 lần, mỗi lần 18.000.000 đồng. Tổng số tiền anh Đ vay là **36.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 27.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt trong 02 lần vay là 9.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.183.562 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **7.816.438 đồng**, anh Đ chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 9.900.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**9. Hoàng Văn D;** SN: 1979, HKTT: Hoàng Lưu, H, H: Trong thời gian từ 16/5/2022 đến 05/7/2022, anh D vay 03 lần trong đó, 02 lần, mỗi lần 18.000.000 đồng và 01 lần 12.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là **48.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 36.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 12.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.578.099 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **10.421.917 đồng**, anh D đã thanh toán hết số tiền vay và không yêu cầu gì về dân sự.

**10. Phạm Đình D;** SN: 1977, HKTT, chỗ ở: Tổ 2, Phú Lãm, H, H. Ngày 11/7/2022, D vay 01 lần (01 bát họ), số tiền **10.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 8.000.000 đồng, trả gốc trong 50 ngày (tiền lãi bị cắt trong 01 lần vay là 2.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 273.973 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **1.726.027 đồng**, anh D chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ số tiền 8.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**11. Bùi Quốc K;** SN: 1974, HKTT: Số 31, ngõ 14, Quang Trung, Phú La, H, H. Trong ngày 10/5/2022, anh K vay 01 lần (01 bát họ) số tiền **15.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 12.000.000 đồng, trả gốc trong 50 ngày (tiền lãi bị cắt trong 01 lần vay là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 410.959 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **2.589.041 đồng**, anh K chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 7.500.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**12. Bùi Thị Vĩnh H;** SN: 1982, HKTT: 201 Minh Khai, tổ 30, Minh Khai, T, H: Trong ngày 10/7/2022, chị H vay 01 lần (01 bát họ), số tiền **12.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt trong 01 lần vay là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **2.605.479 đồng**, chị H chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 7.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**13. Đỗ Thị H;** SN: 1980, HKTT, chỗ ở: Tổ 6, Phú La, H, H, trong ngày 16/5/2022, chị H vay 01 lần (01 bát họ) số tiền **50.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 44.000.000 đồng, trả gốc trong 15 ngày (tiền lãi bị cắt trong 01 lần vay là 6.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146 %/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 410.959 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **5.589.041 đồng** chị H đã thanh toán hết số tiền vay và không đề nghị gì về dân sự.

**14. Trần Hữu H;** SN: 1984, HKTT: Hồng Ân, H, B: Trong thời gian từ 19/5/2022 đến 07/7/2022, anh H vay của T 04 lần (04 bát họ), mỗi lần vay 12.000.000 đồng. Tổng số tiền vay **48.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 36.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt trong 04 lần vay là 12.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.578.084 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **10.421.916 đồng**, anh H chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 4.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**15. Cao Thị Như H** (SN: 1978, HKTT: Số A7, ngõ 8, Tổ 6, K, H, H: trong ngày 28/6/2022, chị H vay của Trung 01 lần (01 bát họ) số tiền **12.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt trong 01 lần vay là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **2.605.479 đồng**, chị H chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 7.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**16. Nguyễn Thanh H;** SN: 1986, HKTT, chỗ ở: tổ 5, Đồng Mai, H, H: Trong ngày 07/7/2022, chị H vay 01 lần (01 bát họ) số tiền **24.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 18.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt trong 01 lần vay là 6.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 789.041 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **5.210.959 đồng**, chị H chưa thanh toán hết tiền vay, còn nợ 20.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**17. Lê Quang H;** SN: 1956, HKTT, chỗ ở: Tổ 12, Phúc La, H, H: Trong thời gian từ 10/5/2022 đến 14/7/2022, anh H vay 03 lần (03 bát họ), mỗi lần số tiền **12.000.000 đồng**. Tổng số tiền vay là 36.000.000 đồng; số tiền thực nhận là

27.000.000đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt trong 03 lần vay là 9.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.183.563 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **7.816.437 đồng**, anh H chưa thanh toán hết tiền vay, còn nợ 16.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**18. Nguyễn Công H;** SN: 1982, HKTT: P732, tòa HH02-1A KĐT Thanh Hà, Cự Khê, O, H: Trong thời gian từ ngày 28/5/2022 đến 28/6/2022, anh H vay 02 lần (02 bát họ), một lần 12.000.000 đồng, 01 lần 10.000.000 đồng; trả gốc lần 1 trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng lãi suất tương ứng là 152%, một lần vay 10.000.000 đồng, trả gốc trong 50 ngày (tiền lãi bị cắt 02 lần là 5.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm. Tổng số tiền vay là **22.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 17.000.000 đồng, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 668.494 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **4.331.506 đồng**, anh H đã thanh toán hết số tiền vay và không đề nghị gì về dân sự.

**19. Nguyễn Mạnh H;** SN: 1976, HKTT: Tổ 6, Phú La, H, H: Trong ngày 05/3/2022, anh H vay 01 lần (01 bát họ) số tiền **50.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 26.000.000 đồng, trả gốc trong 120 ngày (tiền lãi bị cắt trong 01 lần vay là 24.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm; tiền lãi hợp pháp theo quy định là 3.287.671 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **20.712.329 đồng**, anh H chưa thanh toán hết tiền vay, còn nợ 50.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**20. Lê Mạnh H;** SN: 1995, HKTT, chỗ ở: Thôn Hưng Giáo, Tam Hưng, O, H: Trong ngày 11/5/2022, anh H vay 01 lần (01 bát họ) số tiền 12.000.000 đồng; số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **2.605.479 đồng**, anh H đã thanh toán hết tiền vay và không yêu cầu gì về dân sự.

**21. Nguyễn Tiến H;** SN: 1984, HKTT, chỗ ở: P0615 tòa T2 chung cư TSQ Mộ Lao, H, H: Trong ngày 17/6/2022, anh H vay của Trung 01 lần (01 bát họ) số tiền vay 12.000.000 đồng. số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **2.605.479 đồng**, anh H chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 3.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**22. Cấn Xuân Hưng;** SN: 1983, HKTT: Kim Quan, Thạch Thất, H, Chỗ ở: P1604, V4 The Vesta Phú Lãm, H, H: Trong ngày 08/6/2022, anh H vay 01 lần (01 bát họ) số tiền vay 15.000.000 đồng. số tiền thực nhận là 12.000.000 đồng, trả gốc trong 50

ngày (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 410.959 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **2.589.041 đồng**, anh H chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 2.400.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**23. Vũ Thị Thu H;** SN: 1974, HKTT, chỗ ở: Số 8, ngách 217/81 đường Trần Phú, tổ 2, Văn Quán, H, H): Trong thời gian từ 16/5/2022 đến 10/7/2022, H vay 04 lần (04 bát họ), 03 lần vay 12.000.000 đồng mỗi lần, 01 lần vay 30.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là **66.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 49.500.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt trong 04 lần vay là 16.500.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm; Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 2.169.864 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **14.330.136 đồng**, chị H đã thanh toán hết số tiền vay và không đề nghị gì về dân sự.

**24. Nguyễn Đức K;** SN: 1982, HKTT, chỗ ở: Tổ 5, Yên Nghĩa, H, H: Trong ngày 07/7/2022, K có vay 01 lần (01 bát họ) số tiền vay 12.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **2.605.479 đồng**, anh H đã thanh toán hết số tiền vay và không đề nghị gì về dân sự.

**25. Hồ Thị Ngọc L;** SN: 1959, HKTT, chỗ ở: 143 Trần Phú, Văn Quán, H, H: Trong thời gian từ 26/5/2022 đến 21/6/2022, L vay 02 lần (02 bát họ) mỗi lần vay 10.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là **20.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 16.000.000 đồng, trả gốc trong 50 ngày (tiền lãi bị cắt trong 02 lần vay là 4.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 547.946 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **3.452.054 đồng**, chị L chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 3.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**26. Trần Thị L;** SN: 1979, HKTT: Tổ 5, Phú Lương, H, H: Trong thời gian từ 12/6/2022 đến 12/7/2022, L vay 03 lần (03 bát họ) mỗi lần vay 10.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là **30.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 24.000.000 đồng, trả gốc trong 50 ngày (tiền lãi bị cắt trong mỗi lần vay là 2.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 821.919 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **5.178.081 đồng**, chị L đã thanh toán hết số tiền vay và không đề nghị gì về dân sự.

**27. Trần Văn L;** SN: 1956, HKTT, chỗ ở: Tổ 11, Yên Nghĩa, H, H: Trong ngày 13/6/2022, anh L vay 01 lần (01 bát họ) số tiền vay 12.000.000 đồng, số tiền thực nhận

là 9.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **2.605.479 đồng**, anh T đã thanh toán hết số tiền vay và không đề nghị gì về dân sự.

**28. Nguyễn Thị L;** SN: 1973, HKTT, chỗ ở: Số 95-10, ngách 57/52 đường Hòa Bình, tổ 14, Yên Nghĩa, H, H: Trong ngày 28/6/2022, chị L vay 01 lần (01 bát họ) số tiền vay 30.000.000 đồng; số tiền thực nhận là 22.500.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 7.500.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 986.301 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **6.513.699 đồng**, chị L chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 20.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**29. Hà Khánh L;** SN: 1996, HKTT, chỗ ở: Tổ 14, Yên Nghĩa, H, H: Trong ngày 16/7/2022, chị L vay 01 lần (01 bát họ) số tiền vay 12.000.000 đồng; số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **2.605.479 đồng**, chị L chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 11.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**30. Thân Thị Mai A;** SN: 1989, HKTT, chỗ ở: Tổ 15, Phú Lương, H, H: Trong ngày 21/6/2022, chị Mai A vay 01 lần (01 bát họ) số tiền 12.000.000 đồng; số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **2.605.479 đồng**, chị Mai A chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 6.400.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**31. Vũ Thị M;** SN: 1976, HKTT, chỗ ở: P1812, tòa V3 chung cư The Vessta, Phú Lãm, H, H: Trong ngày 04/6/2022, chị M vay 01 lần (01 bát họ) số tiền vay 18.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 13.500.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 4.500.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 591.781 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **3.908.219 đồng**, chị M chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 4.800.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**32. Trần Văn M;** SN: 1982, HKTT, chỗ ở: Tổ 12, Yên Nghĩa, H, H: Trong ngày 07/6/2022, anh M vay 01 lần (01 bát họ) số tiền vay 12.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; số tiền

T, Tú A, H thu lời bất chính là **2.605.479 đồng**, anh M chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 6.600.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**33. Nguyễn Trọng N;** SN: 1979, HKTT, chỗ ở: Thôn Lê Dương, Tam Hưng, O, H: Trong 01/7/2022, anh N vay 01 lần (01 bát họ) số tiền vay 20.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 16.000.000 đồng, trả gốc trong 50 ngày (tiền lãi bị cắt là 4.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 547.945 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **3.452.055 đồng**, anh N chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 12.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**34. Đỗ Thị N;** SN: 1987, HKTT, chỗ ở: Số 5, ngách 2/46 đường Nghĩa Lộ, Tổ 6, Yên Nghĩa, H, H: Trong ngày 23/6/2022, chị N vay của T 01 lần (01 bát họ) số tiền vay 15.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 12.000.000 đồng, trả gốc trong 50 ngày (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 410.959 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **2.589.041 đồng**, chị N chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 6.600.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**35. Võ Thị N;** SN: 1975, HKTT, chỗ ở: Tổ 7, Phú La, H, H: Trong ngày 28/5/2022, chị N vay 01 lần (01 bát họ) số tiền vay 12.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **2.605.479 đồng**, chị N chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 2.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**36. Đặng Đình N;** SN: 1972, HKTT, chỗ ở: Xóm mới, Long Châu, Phụng Châu, M, H: Trong thời gian từ 02/6/2022 đến 11/7/2022, anh N vay 02 lần (02 bát họ), mỗi lần 12.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là **24.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 18.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 6.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm; Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 789.042 đồng; số tiền Thành, Tú Anh, H thu lời bất chính là **5.210.958 đồng**, anh N chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 10.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**37. Trần Văn N;** SN: 1977, HKTT, chỗ ở: P203, CT1B2 Xa La, Phúc La, H, H: Trong thời gian từ 21/5/2022 đến 24/6/2022, anh N vay 02 lần, mỗi lần vay số tiền **18.000.000 đồng**. Tổng số tiền anh N vay là **36.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 27.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày, (tiền lãi bị cắt trong 02 lần vay là 9.000.000 đồng, lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.183.562 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **7.816.438 đồng**, anh N chưa trả hết số tiền vay, hiện còn nợ số tiền 9.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**38. Đặng Văn P;** SN: 1988, HKTT, chỗ ở: Tổ 15, Phú Lương, H, H: Trong ngày 14/7/2022, anh P vay 01 lần (01 bát họ), số tiền **18.000.000** đồng, số tiền thực nhận là 13.500.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt trong lần vay là 4.500.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm; Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 591.781 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **3.908.219 đồng**, anh P chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 15.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**39. Vũ Thị Lan P;** SN: 1980, HKTT, chỗ ở: Số 29, ngõ 217/65, tổ 2, Văn Quán, H, H: Trong ngày 07/7/2022, chị Lan P vay của T 01 lần (01 bát họ) số tiền vay 12.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **2.605.479 đồng**, chị P chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 10.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**40. Hoàng Xuân P;** SN: 1988, HKTT, chỗ ở: Số 9 gác 2/50/7 Yên Xá, Tân Triều, Thanh Trì, H: Trong thời gian từ 10/5/2022 đến 29/6/2022, P vay 03 lần (03 bát họ) gồm 02 lần mỗi lần 10.000.000 đồng cắt lãi mỗi lần 2.000.000 đồng và 01 lần vay 15.000.000 đồng cắt lãi 3.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là **35.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 28.000.000 đồng, trả gốc trong 50 ngày, lãi suất tương ứng 146%/năm; Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 958.905 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **6.041.095 đồng**, anh P chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 13.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**41. Nguyễn Văn Q;** SN: 1989, HKTT, chỗ ở: Số 38, Tổ 4, Phú Lãm, H, H: Trong ngày 13/7/2022, anh Q vay 01 lần (01 bát) 12.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng triệu đồng, trả gốc trong 60 ngày, (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **2.605.479 đồng**, anh Q chưa thanh toán tiền gốc, còn nợ 11.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**42. Tào Văn S;** SN: 1989, HKTT, chỗ ở: Dụ Tiên, Thanh Thùy, O, H: Trong ngày 11/7/2022, anh S vay 01 lần (01 bát) 36.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 27.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày, (tiền lãi bị cắt là 9.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.183.562 đồng; số tiền T, A, H thu lời bất chính là: **7.816.438 đồng**, anh S đã thanh toán tiền gốc và không yêu cầu gì về dân sự.

**43. Vũ Ngọc S;** SN: 1971, HKTT: Tổ 10, Phúc La, H, H. Trong thời gian từ 20/5/2022 đến 26/6/2022, anh S vay 02 lần (02 bát họ), mỗi lần 12.000.000 đồng, Tổng

số tiền vay là 24.000.000 đồng, số tiền thực nhận 18.000.000 đồng; đều trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 6.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 789.042 đồng; số tiền T, A, H thu lời bất chính là **5.210.958 đồng**, anh S chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 7.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**44. Đặng Huy T**; SN: 1987, HKTT, chỗ ở: Tổ 5, Yên Nghĩa, H, H: Trong thời gian từ 18/5/2022 đến 02/7/2022, anh T vay 02 lần (02 bát họ), một lần 18.000.000 đồng (cắt lãi 4.500.000 đồng), một lần vay 12.000.000 đồng (cắt lãi 3.000.000 đồng). Tổng số tiền vay là **30.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 22.500.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày lãi suất tương ứng 152%/năm; Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 986.302 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **6.513.698 đồng**, anh T chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 4.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**45. Vũ Ngọc T**; SN: 1989, HKTT: Mãn Xoan, Kim Đường, H, H: Trong 12/7/2022, anh T vay 01 lần (01 bát) 24.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 18.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày, (tiền lãi bị cắt là 6.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 789.041 đồng; tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **5.210.959 đồng**, anh T chưa thanh toán hết tiền gốc vay, còn nợ 20.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**46. Vũ Ngọc T**; SN: 1992, HKTT: Xuân Vinh, T, Đ: Trong thời gian từ 18/5/2022 đến 09/7/2022, T vay 03 lần (03 bát họ), mỗi lần vay 12.000.000 đồng. Tổng số tiền chị T vay là **36.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 27.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt trong 03 lần vay là 9.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.183.563 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **7.816.437 đồng**, chị T chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 9.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**47. Nguyễn Đức T**; SN: 1989, HKTT: Tòa CT1B-V2, Khu NOXH Phú Lãm, H, H: Trong ngày 15/7/2022, anh T vay 01 lần (01 bát họ) 24.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 18.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày, (tiền lãi bị cắt là 6.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 789.041 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **5.210.959 đồng** anh T chưa thanh toán hết tiền gốc vay, còn nợ 22.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**48. Phan Thị T**; SN: 1987, HKTT, chỗ ở: Xóm Thượng, Bình Minh, O, H: Trong thời gian từ 24/6/2022 đến 16/7/2022, chị T vay 02 lần (02 bát họ), mỗi lần vay 10.000.000 đồng. Tổng số tiền vay **20.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 16.000.000

đồng, trả gốc trong 50 ngày (tiền lãi bị cắt là 4.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm; Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 547.946 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **3.452.054 đồng**, chị T chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 9.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**49. Đặng Đình T;** SN: 1987, HKTT, chỗ ở: Tổ 17, Phú Lương, H, H: Trong ngày 10/5/2022, T vay 01 lần số tiền 36.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 27.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 9.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.183.563 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **7.816.437 đồng**, anh T chưa thanh toán hết tiền vay, còn nợ 24.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**50. Phạm Văn T;** SN:1979, HKTT, chỗ ở: Tổ 2, Phú Lãm, H, H: Trong ngày 15/7/2022, anh T vay 01 lần, số tiền vay 12.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày, (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **2.605.479 đồng**, anh T chưa thanh toán tiền gốc vay, còn nợ 10.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**51. Phùng Văn T;** SN: 1978, HKTT, chỗ ở: Tổ 17, Phú Lương, H, H: Trong ngày 09/7/2022, anh T vay 01 lần, số tiền vay 20.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 16.000.000 đồng, đều trả gốc trong 50 ngày, (tiền lãi bị cắt là 4.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 547.945 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **3.452.055 đồng**, anh T chưa thanh toán tiền gốc vay, còn nợ 16.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**52. Nguyễn Đức T;** SN: 1988, HKTT, chỗ ở: xóm Bờ Giếng, Rùa Hạ 1, Thanh Thủy, O, H: Trong ngày 29/5/2022, anh T vay 01 lần (01 bát họ) 36.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 27.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 9.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.183.562 đồng; tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **7.816.438 đồng**, anh T đã thanh toán tiền gốc và không yêu cầu gì về dân sự.

**53. Nguyễn Thị T;** SN: 1993, HKTT, chỗ ở: số 34, ngõ 2 Xa La, tổ 10, Phúc La, H, H: Trong thời gian từ 29/5/2022 đến 03/7/2022, chị T vay 02 lần (02 bát họ), mỗi lần 20.000.000 đồng. Tổng số tiền vay **40.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 32.000.000 đồng, trả gốc trong 50 ngày (tiền lãi bị cắt trong mỗi lần vay là 4.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm; Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.095.890 đồng; số tiền T,

Tú A, H thu lời bất chính là **6.904.110 đồng**, chị T chưa thanh toán hết số tiền vay, hiện còn nợ 14.400.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**54. Trần Đình T**; SN: 1988, HKTT: Hải Châu, H, Đ. Trong ngày 09/7/2022, anh T vay 01 lần (01 bát) 24.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 18.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 6.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 789.041 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **5.210.959 đồng**, anh T chưa thanh toán hết tiền vay, còn nợ 16.800.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**55. Lê Minh T**; SN: 1985, HKTT, chỗ ở: Tổ 13, Phú Lương, H, H: Trong ngày 14/6/2022, T vay 01 lần (01 bát họ) 12.000.000 đồng, số tiền thực nhận là 9.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày, (tiền lãi bị cắt là 3.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 394.521 đồng; tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **2.605.479 đồng**, anh T chưa thanh toán hết vay, còn nợ 5.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**56. Bùi Xuân T**; SN: 1984, HKTT: Tổ 6, K, H, H: Trong thời gian từ 29/5/2022 đến 24/6/2022, Bùi Xuân T vay 02 lần (02 bát họ) mỗi lần vay 10.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là **20.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 16.000.000 đồng, trả gốc trong 50 ngày (tiền lãi bị cắt trong 02 lần vay là 4.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 547.946 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **3.452.054 đồng**, anh T chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 4.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**57. Lê Xuân T**; SN: 1987, HKTT, chỗ ở: Tổ 4, Đồng Mai, H, H: Trong thời gian từ 3/2022 đến 03/7/2022, anh T vay 02 lần (02 bát họ), mỗi lần 20.000.000 đồng. Tổng số tiền vay **40.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 32.000.000 đồng, trả gốc trong 50 ngày (tiền lãi bị cắt là 8.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 146%/năm; Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.095.890 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **6.904.110 đồng**, anh T chưa thanh toán hết số tiền vay, hiện còn nợ 10.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**58. Nghiêm Xuân T**; SN: 1986, HKTT, chỗ ở: Số 38, ngõ 22 tổ 5, H, H, H: Trong thời gian từ 16/5/2022 đến 11/7/2022, anh T vay 04 lần (04 bát họ), mỗi lần vay 12.000.000 đồng. Tổng số tiền vay **48.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 36.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt trong là 12.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm, tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.578.084 đồng; số

tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **10.421.916đồng**, anh T chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 12.000.000 đồng và không đề nghị gì về dân sự.

**59. Nguyễn Đức T**; SN: 1982, HKTT, chỗ ở: Thôn Chợ, Bình Đà, Bình Minh, O, H): Trong thời gian từ 05/6/2022 đến 06/7/2022, anh T vay 02 lần (02 bát họ), mỗi lần 12.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là **24.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 18.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt là 6.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm; Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 489.042 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **5.210.958 đồng**, anh T chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 13.800.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**60. Nguyễn Văn V**; SN: 1982, HKTT, chỗ ở: Tổ 4, Đồng Mai, H, H: Trong thời gian từ 5/2022 đến 15/7/2022, anh V vay 02 lần (02 bát họ), mỗi lần 36.000.0000 đồng. Tổng số tiền vay là **72.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 54.000.000 đồng, trả gốc trong 60 ngày (tiền lãi bị cắt mỗi lần là 9.000.000 đồng), lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 2.367.123 đồng; số tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là **15.632.877 đồng**, anh V chưa thanh toán hết số tiền vay, còn nợ 36.000.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

**61. Đào Thế V**; SN: 1983, HKTT, chỗ ở: P1907 tòa V3 chung cư Victoria Văn Phú, Phú La, H, H: Trong thời gian từ 20/5/2022 đến 18/6/2022, anh V vay 02 lần (02 bát họ), mỗi lần 18.000.000 đồng. Tổng số tiền anh V vay là **36.000.000 đồng**, số tiền thực nhận là 27.000.000 đồng, đều trả gốc trong 60 ngày, (tiền lãi bị cắt là 9.000.000 đồng, lãi suất tương ứng 152%/năm. Tiền lãi hợp pháp theo quy định là 1.183.562 đồng; tiền T, Tú A, H thu lời bất chính là: **7.816.438 đồng**, anh V chưa trả hết số tiền vay, hiện còn nợ số tiền 8.700.000 đồng và không yêu cầu gì về dân sự.

Như vậy, tổng số tiền mà các đối tượng cho 61 khách vay dưới hình thức bốc họ và vay lãi ngày là **1.664.000.000 đồng**, tổng số tiền lãi thu được là **404.000.180 đồng** gồm: tổng số tiền lãi hợp pháp là **53.254.795 đồng**, tổng số tiền lãi bất chính là **350.745.205 đồng**, trong đó khoản lãi vay đã thanh toán xong là 188.500.000 đồng, khoản lãi vay chưa thanh toán xong là 215.500.000 đồng. Số tiền lãi bất chính các bị can đã thu được là **188.500.000 đồng** (trong đó: chi phí sinh hoạt 03 tháng là 18.000.000 đồng; trả lương cho M và H 03 tháng là 42.000.000 đồng; phần còn lại Trần Duy T hưởng lợi số tiền là 57.825. 000 đồng; Trần Tú A hưởng lợi số tiền là 57.825.000 đồng; Hoàng Mạnh H hưởng lợi số tiền là 12.850.000 đồng), các khách vay tiền trên đã trả cho các đối tượng số tiền 1.104.600.000 đồng, còn nợ các đối tượng số tiền là 559.400.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 296/CT-VKS-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố bị cáo **Trần Duy T, Trần Tú A, Hoàng Mạnh H, Nguyễn Trọng H, Lê M**, đều về tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

\* Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

\* Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo **Trần Duy T, Trần Tú A, Hoàng Mạnh H, Nguyễn Trọng H, Lê M**, đều phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đề nghị áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt: các bị cáo: **Trần Duy T, Trần Tú A, Hoàng Mạnh H**, mỗi bị cáo đều từ 07 đến 10 tháng tù; đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt **Nguyễn Trọng H** và bị cáo **Lê M** mỗi bị cáo đều từ 07 đến 10 tháng tù.

Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với 02 bị cáo: Trần Duy T, Trần Tú A, mỗi bị cáo từ 35 đến 40 triệu đồng; đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Mạnh H từ 30 đến 35 triệu đồng, đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với 02 bị cáo Nguyễn Trọng H và Lê M.

Về xử lý vật chứng: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; Về trách nhiệm dân sự: đề nghị sung công quỹ toàn bộ số tiền mà các bị cáo dùng để cho vay, khoản tiền thu lời bất chính, của các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Cơ quan điều tra Công an quận H và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, xét thấy, những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; tại phiên tòa, các bị cáo, Kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vì trước đó họ đều đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3]. *Về nội dung*: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết luận giám định, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ Tháng 3 đến tháng 7/2022, thông qua giao dịch dân sự **Trần Duy T, Trần Tú A, Hoàng Mạnh H, Nguyễn Trọng H và Lê M** đã có hành vi cho **61** người vay tiền gồm: Nguyễn Ngọc B, Phạm Văn B, Nguyễn Thị C, Nguyễn Đình C, Phạm Đức C, Nguyễn Văn C, Đặng Đình Đ, Lưu Văn Đ, Hoàng Văn D, Phạm Đình D, Bùi Quốc K, Bùi Thị Vĩnh H, Đỗ Thị H, Trần Hữu H, Cao Thị Như H, Nguyễn Thanh H, Lê Quang H, Nguyễn Công H, Nguyễn Mạnh H, Lê Mạnh H, Nguyễn Tiến H, Cấn Xuân H, Vũ Thị Thu H, Nguyễn Đức K, Hồ Thị Ngọc L, Trần Thị L, Trần Văn L, Nguyễn Thị L, Hà Khánh L, Thân Thị Mai A, Vũ Thị M, Trần Văn M, Nguyễn Trọng N, Đỗ Thị N, Võ Thị N, Đặng Đình N, Trần Văn N, Đặng Văn P, Vũ Thị Lan P, Hoàng Xuân P, Nguyễn Văn Q, Tào Văn S, Vũ Ngọc S, Đặng Huy T, Vũ Ngọc T, Vũ Ngọc T, Nguyễn Đức T, Phan Thị T, Đặng Đình T, Phạm Văn T, Phùng Văn T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Thị T, Trần Đình T, Lê Minh T, Bùi Xuân T, Lê Xuân T, Nghiêm Xuân T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn V, Đào Thế V với hình thức bóc **“bắt họ” “vay lãi ngày”** với tổng số tiền **1.664.000.000 đồng**, lãi suất 146%/năm đến 152 % vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%), Tổng số tiền lãi thu được là **404.000.180 đồng** gồm: tổng số tiền lãi hợp pháp là **53.254.795 đồng**, tổng số tiền lãi bất hợp pháp là **350.745.205 đồng**, trong đó khoản lãi vay đã thanh toán xong là 188.500.000 đồng, khoản lãi vay chưa thanh toán xong là 215.500.000 đồng. Số tiền lãi bất chính các bị cáo đã hưởng là **188.500.000 đồng** (trong đó các bị cáo đã chi cho các việc như: chi phí sinh hoạt 03 tháng là 18.000.000 đồng; trả lương cho

M và H 03 tháng là 42.000.000 đồng; phần còn lại Trần Duy T hưởng lợi số tiền là 57.825.000 đồng; Trần Tú A hưởng lợi số tiền là 57.825.000 đồng; Hoàng Mạnh H hưởng lợi số tiền là 12.850.000 đồng). Các khách vay tiền trên, đã trả cho các bị cáo tổng số tiền: 1.104.600.000 đồng, còn nợ các bị cáo số tiền là: 559.400.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, tín dụng mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn, do phải trả lãi quá cao, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Do đó phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, cụ thể như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đều đã ra đầu thú và đã nộp lại một phần tiền thu lời bất chính, nên cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy sẽ áp dụng hình phạt như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Xét các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam đến nay là 06 tháng 04 ngày, xét cũng là đủ thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo, nên sẽ xử các bị cáo bằng thời hạn đã tạm giữ, tạm giam và trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu các bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về hành vi phạm tội khác, để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Xét cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền đối với 03 gồm: bị cáo Trần Duy T, Trần Tú A và Hoàng Mạnh H. Xét 02 bị cáo Nguyễn Trọng H, Lê M, tham gia với vai trò không lớn trong vụ án, không có việc làm ổn

định, thu nhập không thường xuyên, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với 02 bị cáo này.

*[5]. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp khác:*

*\* Về vật chứng của vụ án:*

Tịch thu phát mại sung công quỹ các số tài sản sau:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng-đen, imei: 357263093875410, thu giữ của Trần Duy T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng-đen, imei: 354506122632019, thu giữ của Trần Tú A.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu xanh, imei1: 351858833594282, imei2: 351858834594281, thu giữ của Nguyễn Trọng H.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5C màu xanh, imei: 013853001853107, thu giữ của Lê M.

*\* Về biện pháp tư pháp:*

- Quá trình điều tra đã xác định, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vay tiền nhưng chưa trả cho các bị cáo tổng cộng là **559.400.000 đồng**. Cụ thể: Anh Nguyễn Ngọc B 5.000.000 đồng, Phạm Văn B 10.500.00 đồng, Nguyễn Thị C 16.000.000 đồng; Nguyễn Văn C 11.000.000 đồng, Lưu Văn Đ 9.900.000 đồng; Phạm Đình D 8.000.000 đồng; Bùi Quốc K 7.500.000 đồng; Bùi Thị Vĩnh H 7.000.000 đồng; Trần Hữu H 4.000.000 đồng; Cao Thị Như H 7.000.000 đồng; Nguyễn Thanh H 20.000.000 đồng; Lê Quang H 16.000.000 đồng; Nguyễn Mạnh H 50.000.000 đồng; Nguyễn Tiến H 3.000.000 đồng; Cán Xuân H 2.400.000 đồng; Hồ Thị Ngọc L 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị L 20.000.000 đồng; Hà Khánh L 11.000.000 đồng; Thân Thị Mai A 6.400.000 đồng; Vũ Thị M 4.800.000 đồng; Trần Văn M 6.600.000 đồng; Nguyễn Trọng N 12.000.000 đồng; Đỗ Thị N 6.600.000 đồng; Võ Thị N 2.000.000 đồng; Đặng Đình N 10.000.000 đồng; Trần Văn N 9.000.000 đồng; Đặng Văn P 15.000.000 đồng; Vũ Thị Lan P 10.000.000 đồng; Hoàng Xuân P 13.000.000 đồng; Nguyễn Văn Q 11.000.000 đồng; Vũ Ngọc S 7.000.000 đồng; Đặng Huy T 4.000.000 đồng; Vũ Ngọc T 20.000.000 đồng; Vũ Ngọc T 9.000.000 đồng; Nguyễn Đức T 22.000.000 đồng; Phan Thị T 9.000.000 đồng; Đặng Đình T 24.000.000 đồng; Phạm Văn T 10.000.000 đồng; Phùng Văn T 16.000.000 đồng; Nguyễn Thị T 14.400.000 đồng; Trần Đình T 16.800.000 đồng; Lê Minh T 5.000.000 đồng; Bùi Xuân T 4.000.000 đồng; Lê Xuân T 10.000.000 đồng; Nghiêm Xuân T 12.000.000 đồng; Nguyễn Đức T 13.800.000 đồng; Nguyễn

Văn V 36.000.000 đồng; Đào Thế V 8.700.000 đồng. Đây là số tiền gốc các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này nộp lại số tiền còn nợ để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo T, Tú A phải truy nộp, để sung quỹ Nhà nước số tiền 02 bị cáo sử dụng để cho vay sau khi trừ đi số tiền những người vay còn nợ chưa trả là: 1.104.600.000 đồng (1.664.000.000 đồng – 559.400.000 đồng = 1.104.600.000 đồng người vay còn nợ chưa trả). Đây xác định là tiền do bị cáo T và Tú A góp và có được trong quá trình cho vay lãi nặng, nên buộc 02 bị cáo phải nộp, mỗi bị cáo là 552.300.000 đồng.

- Buộc các bị cáo T, Tú A, H, M, H phải truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo đã hưởng lợi bất chính là **188.500.000 đồng**. Cụ thể: Buộc bị cáo H, bị cáo M mỗi bị cáo phải nộp 21.000.000 đồng. Ghi nhận mỗi bị cáo đã nộp 5.000.000 đồng tại các biên lai số 0067432 và số 0067432 cùng ngày 28/12/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, mỗi bị cáo còn phải nộp tiếp 16.000.000 đồng; Buộc bị cáo Trần Duy T và bị cáo Trần Tú A, mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 57.825.000 đồng. Ghi nhận 02 bị cáo T, Tú A, mỗi bị cáo đã nộp 15.000.000 đồng tại các biên lai số 0067428 và số 0067429 cùng ngày 28/12/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, mỗi bị cáo còn phải nộp tiếp 42.825.000 đồng; Buộc bị cáo Hoàng Mạnh H phải truy nộp số tiền là 12.850.000 đồng. Ghi nhận bị cáo H đã nộp 10.000.000 đồng tại biên lai số 0067430 ngày 28/12/2022, tại chi cục thi hành án quận H, bị cáo còn phải nộp tiếp 2.850.000 đồng.

[6]. Các vấn đề khác: Đối với các khách vay gồm: Đỗ Văn T, SN 1987, chỗ ở: B4509 khu B Gleimco, Dương Nội, H, H; Nguyễn Đăng K, SN 1987, HKTT: Tam Hưng, O, H; Đào Văn K, SN 1990, HKTT: thôn Đại Thịnh, xóm 4, Tam Hưng, O, H; Lê Thị T, SN 1985, HKTT: TDP Quang Minh, Dương Nội, H, H; Nguyễn Doãn N, SN 1983, thôn Thượng, xã Bình Minh, O, H; Nguyễn Thị Lan A, SN 1998, HKTT: Thị trấn Kim Bài, huyện O, H; Phùng Thị H, SN 1983, HKTT: thôn Vỹ, Cao Viên, O, H; Tạ Văn T, SN 1989, xã Thanh Thùy, O, H, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng những người này vắng mặt tại địa phương nên chưa làm việc được. Do đó, Cơ quan điều tra đã tách các tài liệu liên quan đến số tiền vay của những người trên để tiếp tục điều tra, khi đủ căn cứ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại sổ ghi chép của bị cáo T còn thể hiện một số người có tên vay tiền (79 người) không có thông tin, tên tuổi, địa chỉ, Cơ quan điều tra đã tiến hành

xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch, nên không có cơ sở để làm rõ khoản vay của những người này.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án: các bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sơ thẩm.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. *Về tội danh*: Tuyên bố các bị cáo **Trần Duy T, Trần Tú A, Hoàng Mạnh H, Nguyễn Trọng H, Lê M** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. *Về điều khoản áp dụng và hình phạt*:

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; đối với bị cáo Trần Duy T, Trần Tú A, Hoàng Mạnh H;

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; đối với bị cáo Nguyễn Trọng H, Lê M;

- Áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

2.1. Xử phạt: Trần Duy T 06 (sáu) tháng 04 (bốn) ngày tù, bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam.

2.2. Xử phạt Trần Tú A 06 (sáu) tháng 04 (bốn) ngày tù, bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam.

2.3. Xử phạt Hoàng Mạnh H 06 (sáu) tháng 04 (bốn) ngày tù, bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam.

2.4. Xử phạt Nguyễn Trọng H 06 (sáu) tháng 04 (bốn) ngày tù, bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam.

2.5. Xử phạt Lê M 06 (sáu) tháng 04 (bốn) ngày tù, bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo, nếu các bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

3. *Về hình phạt bổ sung*:

- Phạt tiền bị cáo Trần Duy T và bị cáo Trần Tú A, mỗi bị cáo 40.000.000 đồng, sung công quỹ Nhà nước.

- Phạt tiền bị cáo Hoàng Mạnh H 30.000.000 đồng, sung công quỹ Nhà nước.

*4. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng Điều 201 BLHS:*

*\* Về xử lý vật chứng:*

Tịch thu phát mại sung công quỹ các tài sản sau:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng-đen, imei: 357263093875410.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu vàng - đen, imei: 354506122632019.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150 màu xanh, imei1: 351858833594282, imei2: 351858834594281.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5C màu xanh, imei: 013853001853107.

*\* Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:*

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên sau phải nộp lại số tiền còn nợ, chưa trả cho các bị cáo tổng cộng là **559.400.000 đồng**, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Anh Nguyễn Ngọc B 5.000.000 đồng, Phạm Văn B 10.500.00 đồng, Nguyễn Thị C 16.000.000 đồng; Nguyễn Văn C 11.000.000 đồng, Lưu Văn Đ 9.900.000 đồng; Phạm Đình D 8.000.000 đồng; Bùi Quốc K 7.500.000 đồng; Bùi Thị Vĩnh H 7.000.000 đồng; Trần Hữu H 4.000.000 đồng; Cao Thị Như H 7.000.000 đ; Nguyễn Thanh H 20.000.000 đồng; Lê Quang H 16.000.000 đồng; Nguyễn Mạnh H 50.000.000 đồng; Nguyễn Tiến H 3.000.000 đồng; Cấn Xuân H 2.400.000 đồng; Hồ Thị Ngọc L 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị L 20.000.000 đồng; Hà Khánh L 11.000.000 đồng; Thân Thị Mai A 6.400.000 đồng; Vũ Thị M 4.800.000 đồng; Trần Văn M 6.600.000 đồng; Nguyễn Trọng N 12.000.000 đồng; Đỗ Thị N 6.600.000 đồng; Võ Thị N 2.000.000 đồng; Đặng Đình N 10.000.000 đồng; Trần Văn N 9.000.000 đồng; Đặng Văn P 15.000.000 đồng; Vũ Thị Lan P 10.000.000 đồng; Hoàng Xuân P 13.000.000 đồng; Nguyễn Văn Q 11.000.000 đồng; Vũ Ngọc S 7.000.000 đồng; Đặng Huy T 4.000.000

đồng; Vũ Ngọc T 20.000.000 đồng; Vũ Ngọc T 9.000.000 đồng; Nguyễn Đức T 22.000.000 đồng; Phan Thị T 9.000.000 đồng; Đặng Đình T 24.000.000 đồng; Phạm Văn T 10.000.000 đồng; Phùng Văn T 16.000.000 đồng; Nguyễn Thị T 14.400.000 đồng; Trần Đình T 16.800.000 đồng; Lê Minh T 5.000.000 đồng; Bùi Xuân T 4.000.000 đồng; Lê Xuân T 10.000.000 đồng; Nghiêm Xuân T 12.000.000 đồng; Nguyễn Đức T 13.800.000 đồng; Nguyễn Văn V 36.000.000 đồng; Đào Thế V 8.700.000 đồng.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền do bị cáo Trần Duy T và bị cáo Trần Tú A góp và có được trong quá trình cho vay lãi nặng với tổng số tiền 1.104.600.000 đồng, cụ thể: mỗi bị cáo phải truy nộp là 552.300.000 đồng.

- Buộc các bị cáo T, Tú T, Hưng, M, H phải truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo đã hưởng lợi bất chính là **188.500.000 đồng**. Cụ thể: Buộc bị cáo Nguyễn Trọng H và bị cáo Lê M mỗi bị cáo phải nộp 21.000.000 đồng. Ghi nhận mỗi bị cáo đã nộp 5.000.000 đồng tại các biên lai số 0067432 và số 0067432 cùng ngày 28/12/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, mỗi bị cáo H, M còn phải nộp tiếp 16.000.000 đồng; Buộc bị cáo Trần Duy T và bị cáo Trần Tú A, mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 57.825.000 đồng. Ghi nhận 02 bị cáo T, Tú A, mỗi bị cáo đã nộp 15.000.000 đồng tại các biên lai số 0067428 và số 0067429 cùng ngày 28/12/2022, tại chi cục thi hành án quận H, mỗi bị cáo T, Tú A còn phải nộp tiếp 42.825.000 đồng; Buộc bị cáo Hoàng Mạnh H phải truy nộp số tiền là 12.850.000 đồng. Ghi nhận bị cáo H đã nộp 10.000.000 đồng tại biên lai số 0067430 ngày 28/12/2022, tại chi cục thi hành án quận H, bị cáo H còn phải nộp tiếp 2.850.000 đồng.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/12/2022 giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra và Chi cục thi hành án dân sự quận H).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo Trần Duy T, Trần Tú A, Hoàng Mạnh H, Nguyễn Trọng H, Lê M, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ghi nhận bị cáo Trần Tú A đã nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm, theo biên lai số 0067437 ngày 28/12/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận :**

- TAND TP H ;
- VKSND quận H;
- CA quận H;
- THA quận H;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Duy V**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**